TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 26/9/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Minh

Bà nguyễn Thị Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thi Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc: "*Ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lò Thị **B**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Bản **P B, xã T Y, tỉnh Đ** (vắng mặt có lý do)
* Bị đơn: Anh Lò Văn **L**, sinh năm 1989
Địa chỉ: Bản **P B, xã T Y, tỉnh Đ** (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị B trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **B** và anh Lò Văn **L** lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên) vào ngày 07/10/2019, chúng tôi kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm đến 04 năm đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh **L** chơi bời đua đòi theo chúng bạn dẫn đến nghiện ma tuý vào khoảng đầu năm 2023, việc anh **L** nghiện ma tuý

dẫn đến bất đồng quan điểm, bản thân tôi khuyên ngăn anh **L** nhiều lần đi cai nghiện nhưng anh **L** không đi cai nghiên. Đến khoảng tháng 7/2023 tôi được biết anh **L** bị Công an bắt về tội ma tuý, anh **L** đi chấp hành án đến 21/10/2024 được tha tù về nhà tôi có khuyên ngăn động viên nhiều lần nhưng anh **L** không nghe vẫn đi chơi với người nghiện, tôi và anh **L** không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy tôi đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh Lò Văn **L** để tôi còn ổn định cuộc sống.

1.2. Về con chung, con riêng:

- Về con riêng: Chị **B** và anh **L** đều có con riêng nhưng các con đã trưởng thành và phát triển bình thường. Chị **B** không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Con chung: Chị **B** và anh **L** không có con chung.

1.3. Về tài sản chung; về nợ chung, nợ riêng: Chị **B** không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Lò Văn **L**: Sau khi thụ lý vụ án anh **L** không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình. Tại phiên tòa anh **L** vắng mặt không có lý do.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với Nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị **B** về việc ly hôn với anh Lò Văn **L**.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Lò Thị **B** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lò Thị **B** có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/9/2025 và vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn **L**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị **B** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn **L**. Đây là vụ án về "Ly hôn". Anh **L** có địa chỉ tại Bản Pa Bói, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Bản Pa Bói, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên) nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân:

[**2**]. Về nội dung yêu cầu của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân chị Lò Thị **B** và anh Lò Văn **L** được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên) vào ngày 07/10/2019; khi đăng ký kết hôn, chị **B** và anh **L** đều đã trên 18 tuổi nên xác định quan hệ hôn nhân của chị **B** và anh **L** là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị **B** cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được mấy năm đầu sau đó do tính tình vợ chồng không Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc khoảng 03 năm đến 04 năm đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh **L** chơi bời đua đòi theo chúng bạn dẫn đến nghiện ma tuý vào khoảng đầu năm 2023, việc anh **L** nghiện ma tuý dẫn đến bất đồng quan điểm, bản thân tôi khuyên ngăn anh **L** nhiều lần đi cai nghiện nhưng anh **L** không đi cai nghiên. Đến khoảng tháng 7/2023 tôi được biết anh **L** bị Công an bắt về tội ma

tuý, anh **L** đi chấp hành án đến 21/10/2024 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, sau khi anh **L** đi chấp hành án xong về thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **L** không chịu khó làm việc và anh **L** tái nghiện, tôi khuyên ngăn anh **L** nhiều, quan điểm sống bất đồng, chị **B** và anh **L** không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, chị **B** và anh **L** đã sống ly thân. Việc này đã được UBND xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên xác nhận vào ngày 17/7/2025.

Sau khi thụ lý Tòa án đã thông báo bằng điện thoại và niêm yết công khai văn bản theo quy định của pháp luật cho anh **L** được biết, nhưng anh **L** không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập anh **L** nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị **B** và anh **L** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, mặc dù tại phiên toà ngày hôm nay chị **B** có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **L**. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị **B** khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lò Thị **B** và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị **B** và anh Lò Văn **L**.

[2.2] Về con chung, con riêng:

- Về con riêng: Chị **B** và anh **L** đều có con riêng nhưng các con đã trưởng thành và phát triển bình thường. Chị **B** không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Con chung: Chị **B** và anh **L** không có con chung.

[2.3] Xét về tài sản và công nợ: Chị **B** khai không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy HĐXX không có căn cứ giải quyết trong vụ án.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị **B** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo thông báo số 06 ngày 16/7/2025 (mã thông báo: 9KO4H7WYJM) biên lai số 0000006 chị **B** đã nộp đủ án phí DSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1, 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 và Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 5, 8, 9, Khoản 1 Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị **B** với anh Lò Văn **L**.

2. Về nuôi con chung:

- Về con riêng: Chị **B** và anh **L** đều có con riêng nhưng các con đã thành niên và phát triển bình thường, chị **B** không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về con chung: Chị Lò Thị **B** và anh Lò Văn **L** không có con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị **B** phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí theo thông báo số 06 ngày 16/7/2025 (mã thông báo: 9KO4H7WYJM) biên lai số 0000006 chị **B** đã nộp đủ án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lò Thị **B** và anh Lò Văn **L** đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yêu theo quy định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV2 - ĐB;
- UBND xã Thanh Yên, tỉnh ĐB (nơi Đ.ký kết hôn);
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Thi hành án DS tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Huyền